

## GIẤY MỜI

-----

Trân trọng kính mời các đồng chí dự Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ 23 (khóa IV), nhiệm kỳ 2020 - 2025 (Hội nghị mở rộng).

### I. Nội dung:

\* Thảo luận và cho ý kiến vào các dự thảo:

- Kế hoạch của Ban Thường vụ Huyện ủy về xây dựng huyện Đam Rông đạt chuẩn huyện nông thôn mới.
- Kế hoạch của Ban Thường vụ Huyện ủy về triển khai nhiệm vụ công tác giảm nghèo năm 2024.

### II. Thành phần, kính mời:

- Đồng chí Bí thư Huyện ủy; các Phó Bí thư Huyện ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (khóa IV),
- Trưởng (hoặc phó phụ trách) các phòng ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện,
- Bí thư các Tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Đồng chí Bí thư, Chủ tịch UBND các xã,
- Đồng chí Phó Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy,
- Đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các xã,
- Lãnh đạo Văn phòng Huyện ủy.

### III. Thời gian và địa điểm:

1. Thời gian: Vào lúc 8 giờ 00', ngày 12 tháng 3 năm 2024 (Thứ ba).

2. Địa điểm: Hội trường Huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện.

(Tài liệu Hội nghị Văn phòng Huyện ủy gửi kèm theo Giấy mời, đề nghị các đồng chí nghiên cứu và chuẩn bị nội dung phát biểu tại Hội nghị).

Đề nghị các đồng chí sắp xếp công việc, tham dự đúng thành phần, thời gian quy định.

#### Nơi nhận:

- Như thành phần mời,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/L BAN THƯỜNG VỤ  
CHÁNH VĂN PHÒNG

Phan Thị Cẩm

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐAM RÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 16 /TTr-UBND

Đam Rông, ngày 07 tháng 3 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

**V/v ban hành Kế hoạch xây dựng huyện Đam Rông đạt chuẩn huyện nông thôn mới và Kế hoạch triển khai nhiệm vụ công tác giảm nghèo năm 2024**

Kính gửi: Ban Thường vụ Huyện ủy

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị Quyết 09-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đam Rông lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/HU ngày 06/5/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện (khóa IV) về xây dựng huyện Đam Rông đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 05/12/2023 của Huyện ủy về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng - hệ thống chính trị năm 2024.

Ủy ban nhân dân huyện đề xuất Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch xây dựng huyện Đam Rông đạt chuẩn huyện nông thôn mới và Kế hoạch triển khai nhiệm vụ công tác giảm nghèo năm 2024.

(Gửi kèm 02 dự thảo Kế hoạch của Ban Thường vụ Huyện ủy)

Kính trình Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Phòng Lao động - TB&XH;
- LĐVP, TH, VX1;
- Lưu: VT, KT



**KT. CHỦ TỊCH  
THÓ**

**Trần Đức Bắc**

ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG  
HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đam Rông, ngày      tháng      năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY**  
**Về xây dựng huyện Đam Rông đạt chuẩn huyện nông thôn mới**  
-----

Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI) về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 07-NQ/HU ngày 06/5/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện (khóa IV) về xây dựng huyện Đam Rông đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025; Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 05/12/2023 của Huyện ủy về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng - hệ thống chính trị năm 2024. Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông ban hành Kế hoạch như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng xã, huyện nông thôn mới nhằm tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động của toàn Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trên địa bàn.

- Xác định những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhằm xây dựng huyện Đam Rông cơ bản hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới vào năm 2024.

**2. Yêu cầu**

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân nâng cao trách nhiệm, quyết tâm chính trị cao để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng xã, huyện nông thôn mới bảo đảm thời gian, đúng lộ trình đề ra.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền; phát huy vai trò và huy động sự vào cuộc của các tổ chức chính trị, xã hội và Nhân dân trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Lồng ghép tốt nguồn lực từ nguồn ngân sách nhà nước, huy động nguồn lực xã hội hóa để đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho Nhân dân.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Về xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao

- Đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới: Đến cuối năm 2024, xã Đa Long, Liêng Srônh đạt chuẩn nông thôn mới (*cuối năm 2023, xã Đa Long và Liêng Srônh đã đạt 18/19 tiêu chí, tiêu chí chưa đạt: Nghèo đa chiều*).

- Xã Đa K'Nàng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. (*Hiện nay, xã đã đạt 15/19 tiêu chí; tập trung lãnh đạo hoàn thành các tiêu chí chưa đạt: Thu nhập, nghèo đa chiều, y tế, môi trường*).

\* Hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao: UBND huyện chỉ đạo các đơn vị liên quan hoàn thành trước ngày 30/10/2024 để trình cấp có thẩm quyền thẩm định, công nhận theo quy định.

- Đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (*xã Phi Liêng...*): Tập trung rà soát, tổ chức thực hiện đảm bảo đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (*theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ*) để làm cơ sở và đủ điều kiện đề nghị công nhận huyện nông thôn mới.

### 2. Về huyện nông thôn mới

- Huyện cơ bản hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 (*Hiện nay, huyện đã đạt 4/9 tiêu chí/36 chỉ tiêu; còn 9 chỉ tiêu/5 tiêu chí chưa đạt, gồm: Giao thông, kinh tế, môi trường, chất lượng môi trường sống, Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công*) của huyện NTM theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Do vậy, tập trung lãnh đạo hoàn thành các thủ tục đầu tư để sớm lựa chọn nhà đầu tư hoặc thúc đẩy hoàn thành công trình. Đồng thời, chỉ đạo lồng ghép các nguồn lực và nỗ lực, quyết tâm cao trong quá trình tổ chức thực hiện nhằm sớm hoàn thành các công trình thuộc các tiêu chí huyện nông thôn mới, *cụ thể như: Bến xe trung tâm huyện; cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật; chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm; Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp*.

Đối với các tiêu chí đã đạt, tiếp tục quan tâm lãnh đạo để bảo đảm duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí (*UBND huyện đã giao nhiệm vụ thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí huyện nông thôn mới tại Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 cho các cơ quan, đơn vị phụ trách tiếp tục theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện hoàn thành các tiêu chí theo lộ trình đề ra*).

- Song song với việc lãnh đạo thực hiện hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới. UBND huyện chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các đơn vị phụ trách xây dựng

báo cáo, hoàn thiện hồ sơ đề nghị thẩm tra, trình thẩm định, xét và công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới *xong trước ngày 30/11/2024*.

### III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

**1. Thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân trong xây dựng xã, huyện nông thôn mới**

- Tiếp tục tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền nội dung các quyết định của Thủ tướng Chính phủ số: 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022; số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022; Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XI); Nghị quyết số 07-NQ/HU ngày 06/5/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện (khóa IV); Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 05/12/2023 của Huyện ủy đến các cấp ủy, tổ chức đảng, hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở và các tầng lớp Nhân dân để nâng cao nhận thức, trách nhiệm, chung sức, đồng lòng với quyết tâm cao nhằm thúc đẩy sớm hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới. Đồng thời, tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước để hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ đề ra, thiết thực chào mừng kỷ niệm 20 năm thành lập huyện. Kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong các phong trào thi đua.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư trong việc tuyên truyền, vận động, lồng ghép các nguồn lực thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

**2. Tiếp tục lãnh đạo hoàn thành các tiêu chí huyện, xã nông thôn mới**

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo UBND huyện sớm hoàn thành các thủ tục đầu tư để thu hút, lựa chọn nhà đầu tư theo quy định, *hoàn thành trước tháng 10/2024* đối với công trình: Bến xe khách trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên (*thuộc chỉ tiêu 2.4 - tiêu chí số 2: Giao thông - theo Quyết định số 320/QĐ-TTg*); đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn để thúc đẩy thi công công trình Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm” (*thuộc chỉ tiêu 6.2 - tiêu chí số 6: Kinh tế - theo Quyết định số 320/QĐ-TTg*) nhằm bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí huyện nông thôn mới.

- Chỉ đạo thực hiện việc lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp (*theo Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2040*). Đồng thời, chỉ đạo đưa vào kế hoạch đầu tư công, bố trí nguồn lực *trước tháng 7/2024* và giao cho đơn vị chuyên môn thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật (*hàng rào, điện, hệ thống thoát nước...*) trong năm 2024 để hoàn thành chỉ tiêu “Có

cum công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật” (thuộc chỉ tiêu 6.1 - tiêu chí số 6: Kinh tế - theo Quyết định số 320/QĐ-TTg).

- Chỉ đạo đưa vào kế hoạch đầu tư công, bố trí nguồn lực **trước tháng 7/2024** và giao cho đơn vị chuyên môn đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại Trung tâm Bể Lắng nhằm hoàn thành chỉ tiêu “Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp” (thuộc chỉ tiêu 7.4 - tiêu chí số 7: Môi trường – theo Quyết định số 320/QĐ-TTg).

- UBND huyện tập trung chỉ đạo đội ngũ lãnh đạo quản lý từ huyện đến cơ sở nâng cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm chính trị cao trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm hiệu quả, chặt chẽ, đúng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hạn chế sai sót (yêu cầu của chỉ tiêu 9.3: Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, thuộc tiêu chí số 9: Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công – Theo Quyết định số 320/QĐ-TTg).

- Tập trung nguồn lực đầu tư hoàn thiện dự án bố trí, sắp xếp dân di cư tự do tại tiểu khu 179 và khu vực Tây Sơn, xã Liêng Srônh; trong đó tập trung chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ đề xuất bố trí vốn để khởi công xây dựng công trình Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do xã Liêng Srônh.

### **3. Đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập**

- Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng gắn với xây dựng các chuỗi liên kết giá trị trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ để tăng giá trị sản xuất và thu nhập trên đơn vị canh tác. Khuyến khích phát triển kinh tế mô hình hợp tác xã, năm 2024 phát triển thêm 2 - 3 hợp tác xã. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) phát triển thêm từ 4 - 5 sản phẩm OCOP, 2 - 3 chuỗi liên kết sản xuất, xây dựng và phát triển thương hiệu cho một số sản phẩm chủ lực. Tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại; hình thành các khu chăn nuôi tập trung.

- UBND huyện chỉ đạo lồng ghép tốt các nguồn lực để xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả. Đẩy mạnh chuyển đổi diện tích sản xuất kém hiệu quả (thu nhập  $\leq 50$  triệu đồng/năm/ha) sang trồng các loại cây trồng hiệu quả kinh tế cao: như trồng dâu nuôi tằm, trồng cây ăn quả... nhằm nâng cao thu nhập cho Nhân dân.

- Phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp theo hướng có chọn lọc và phù hợp với điều kiện của địa phương. Ưu tiên kêu gọi, thu hút đầu tư vào công nghiệp chế biến nông, lâm sản từ nguồn nguyên liệu tại chỗ có tiềm năng, lợi thế của địa phương. Tiếp tục tạo lập, xây dựng nhãn hiệu các sản phẩm: Sầu Riêng Đam Rông,

Mắc ca Lâm Đồng; nhãn hiệu tập thể: Bánh tráng làng tày Quy thoa, Dứa mật Đam Rông.

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác đào tạo nghề; đổi mới chương trình, phương pháp dạy học theo hình thức đào tạo thực hành, thực tế, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất gắn với giải quyết việc làm, nhất là đối với lao động nông thôn. Tạo việc làm và giải quyết việc làm mới cho khoảng 1.500 lao động. Đồng thời, tiếp tục thực hiện tốt các chính sách tín dụng, trong đó có tín dụng xã hội để tạo điều kiện cho nhân dân phát triển kinh tế.

#### **4. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa**

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện. Hoàn thành việc đánh giá chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Đam Rông đạt cấp độ 1 trở lên **trước tháng 10/2024** (thuộc chỉ tiêu 5.4 – Tiêu chí số 5: Y tế - Văn hóa - Giáo dục – Theo Quyết định số 320.QĐ-TTg). Duy trì và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhân dân. Đẩy mạnh việc triển khai sổ khám chữa bệnh điện tử trên địa bàn huyện; thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Chỉ đạo thực hiện hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng văn hóa và phát triển con người phù hợp với định hướng, điều kiện thực tế về xây dựng, phát triển bền vững. Thường xuyên quan tâm, giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn. Tiếp tục quán triệt, chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chỉ thị 27-CT/HU, ngày 09/8/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao. Tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng nếp sống văn minh gắn với xây dựng thôn văn hóa, khu dân cư tiêu biểu, khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn.

#### **5. Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn**

- Thực hiện tốt công tác giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn. Chỉ đạo thực hiện việc thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn ngay tại hộ gia đình. Rà soát, bố trí các điểm thu gom, tập kết và xử lý rác thải, chất thải phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tổ chức thu gom, xử lý nước thải từ các khu dân cư tập trung; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- UBND huyện chỉ đạo tuyên truyền, vận động Nhân dân xây dựng và thực hiện ít nhất mỗi xã 01 mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp trở lên.



- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện quyết liệt công tác quản lý bảo vệ rừng; tiếp tục thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, của Huyện trong công tác quản lý bảo vệ rừng. Chỉ đạo tổ chức giải tỏa diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm, tái lấn chiếm trái phép và trồng lại rừng ngay sau khi giải tỏa. Triển khai thực hiện tốt kế hoạch trồng 4,4 triệu cây xanh trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2024. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý bảo vệ tài nguyên, môi trường, khoáng sản. Làm tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trong mùa khô năm 2024. Năm 2024, giảm từ 15% trở lên số vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp và giảm từ 15 - 20% trở lên diện tích rừng, khối lượng lâm sản thiệt hại; số vụ vi phạm phát hiện được đối tượng, lập hồ sơ xử lý vi phạm đạt trên 77%; duy trì độ che phủ rừng từ 63,61% trở lên.

#### **6. Nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở; giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội**

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Kết luận số 21-KL/TW (khóa XIII); Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với các quy định của Đảng về nêu gương, bằng các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, thực chất.

- Tiếp tục giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện có hiệu quả phong trào *“Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”*. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời đấu tranh, ngăn chặn các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, không để bị động, bất ngờ, phát sinh điểm nóng. Lực lượng vũ trang huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các thủ tục hành chính; nhất là trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất. Nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công, xây dựng các dịch vụ hành chính công chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo; không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật. Xây dựng hương ước, quy ước thôn, xóm gắn với các quy định cụ thể về an ninh, trật tự xã hội; nhân rộng các mô hình cộng đồng tự quản về an ninh, trật tự xã hội có hiệu quả; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và người có uy tín trong cộng đồng; đẩy lùi hoạt động các loại tội phạm, tệ nạn xã hội để thực sự tạo ra nông thôn mới bình yên.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**



1. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo rà soát, xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ và có lộ trình cụ thể để đảm bảo hoàn các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024; định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Huyện ủy.

2. Các tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 05/12/2023 của Huyện ủy về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng - hệ thống chính trị năm 2024 và Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, nhằm tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động; chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện với nội dung cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm của từng cơ quan, đơn vị. Định kỳ sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện.

3. Ban Tuyên giáo Huyện ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Kế hoạch sâu rộng tới cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện, bằng các hình thức phù hợp, hiệu quả.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Thường trực HU, HĐND, UBND huyện,
- Các ban và Văn phòng Huyện ủy,
- Các phòng, ban, MTTQ và các đoàn thể huyện,
- Các TCCSĐ trực thuộc Huyện ủy,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn Phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**

**Nguyễn Văn Lộc**



**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**  
(Kèm theo Kế hoạch số -KH/HU ngày /3/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đàm Rông)

**Các chỉ tiêu của Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025**

- Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025).
- Có ít nhất 10% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025).
- Có 100% số thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh.
- Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện đạt từ 90% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới đạt từ 80% trở lên).
- Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí   | Chỉ tiêu                             | Thực hiện đến 31/12/2023  | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------|---|--------------------------------------|---------------------------|----------------------|---------|
| 1  | Quy hoạch    | 1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn<br>1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt<br>2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm | Đạt<br><br>≥01 công trình<br><br>Đạt | Đạt<br><br>Đạt<br><br>Đạt |                      |         |

|   |   |                                    |   |          |  |   |
|---|---|------------------------------------|---|----------|--|---|
| 2 | 2 | Giao thông                         | 2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch  | 100%     | cứng hóa 57,9/57,9 km;<br>đạt tỷ lệ 100%       |   |
|   |   |                                    | 2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường   | ≥50%     | 2,5/57,9,<br>đạt tỷ lệ 4,3%,<br>Chưa đạt       | UBND huyện chỉ đạo thực hiện hoàn thành trước ngày 30/11/2024   |
|   |   |                                    | 2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên  | Đạt      | Có quy hoạch nhưng chưa khởi công,<br>Chưa đạt | UBND huyện chỉ đạo thu hút thu hút, lựa chọn nhà đầu tư theo quy định ngày 30/10/2024   |
|   |   |                                    | 3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch                                | Đạt      | Đạt  |   |
| 3 | 3 | Thủy lợi và phòng, chống thiên tai | 3.2. Đảm bảo yếu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ                                 | Đạt      | Đạt  |   |
|   |   |                                    | Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống   | Đạt      | Đạt  |   |
| 5 | 4 | Điện                               | 5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn   | Đạt      | Đạt  |   |
|   |   |                                    | 5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã       | Đạt      | Đạt  |   |
|   |   |                                    | 5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên   | ≥60%     | 2/3 trường, tỷ lệ 66,66%,<br>Đạt               |   |
|   |   |                                    | 5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục                     | Cấp độ 1 | Đạt  |   |
|   |   |                                    | 6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn | Đạt      | Chưa đạt                                       | UBND huyện chỉ đạo lập quy hoạch chi tiết; đưa vào kế hoạch đầu tư công và bố trí nguồn lực trước tháng 7/2024 và giao cho cơ quan chuyên môn thực hiện |
|   |   |                                    | 6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm  | Đạt      | Chưa đạt                                       | UBND huyện đơn đốc, hướng dẫn chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công sớm hoàn thành   |

|   |            |  |                         |                                   |   |
|---|------------|--|-------------------------|-----------------------------------|---|
| 6 | Kinh tế    | 6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện       | Đạt                     | Đạt                               |   |
|   |            | 6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả  | Đạt                     | Đạt                               |   |
|   |            | 7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng phát sinh   | Đạt                     | <20 %,<br>Đạt                     |   |
|   |            | 7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn   | ≥40%                    | >80%;<br>Đạt                      |   |
|   |            | 7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên   | ≥01 mô hình             | Chưa đạt                          | UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện hoàn thành trước tháng 10/2024  |
|   |            | 7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp   | ≥01 công trình          | Chưa đạt                          | UBND huyện chỉ đạo đưa vào kế hoạch đầu tư công, bố trí nguồn lực trước tháng 7/2024 và giao cho cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện |
| 7 | Môi trường | 7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu | Đạt                     | Đạt                               |   |
|   |            | 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn  | ≥2m <sup>2</sup> /người | 4,5 m <sup>2</sup> /người;<br>Đạt |   |
|   |            | 7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định   | ≥50%                    | > 65%;<br>Đạt                     |   |
|   |            | 7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định   | 100%                    | Chưa đạt                          | UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện hoàn thành trước tháng 10/2024  |
|   |            | 8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung   | ≥ 12%                   | 22,7%,<br>Đạt                     |   |
|   |            | 8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững  | ≥35%                    | 57,1%,<br>Đạt                     |   |

|   |  |  |       |          |  |  |
|---|--|--|-------|----------|--|--|
| 8 | Chất môi sống  | 8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện                         | Đạt   | Chưa đạt | UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện hoàn thành trước tháng 10/2024   |  |
|   |  | 8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn   | Đạt   | Đạt      |  |  |
|   |  | 8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm  | 100%  | Đạt      |  |  |
|   |  | 9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên   | Đạt   | Đạt      |  |  |
|   |  | 9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên   | 100%  | Đạt      |  |  |
| 9 | Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công | 9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự | Không | Chưa đạt | UBND huyện chỉ đạo chỉ đạo đội ngũ lãnh đạo quản lý từ huyện đến cơ sở nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, quyết tâm chính trị cao trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm hiệu quả, chất chẽ, đúng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hạn chế sai sót |  |
|   |  | 9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự  | Đạt   | Đạt      |  |  |
|   |  | 9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên   | Đạt   | Đạt      |  |  |
|   |  | 9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định  | Đạt   | Đạt      |  |  |

- **Tổng cộng Huyện đạt 4/9 tiêu chí huyện nông thôn mới với tổng số chỉ tiêu đạt là 27/36 chỉ tiêu.**

- **5 tiêu chí/9 chỉ tiêu khó đạt, cụ thể:** Tiêu chí số 2: các chỉ tiêu chưa đạt, gồm: 2.3: tỷ lệ đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến  $\geq 50\%$ ; 2.4: Bến xe khách tại trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên; Tiêu chí số 6: Kinh tế, các chỉ tiêu chưa đạt gồm: 6.1: Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn; 6.2: Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm; Tiêu chí số 7: Môi trường, các chỉ tiêu chưa đạt, gồm: 7.3: Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên; 7.4: Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp; 7.8: Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sản sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định; Tiêu chí số 8: Chất lượng môi trường sống, chỉ tiêu chưa đạt: 8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện; Tiêu chí số 9: hệ thống chính trị - an ninh trật tự - hành chính công, chỉ tiêu chưa đạt: Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.



**KẾ HOẠCH**  
**CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY**  
**Về triển khai nhiệm vụ công tác giảm nghèo năm 2024**

-----

Thực hiện Nghị Quyết 09 - NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đam Rông lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 05/12/2023 của Huyện ủy Đam Rông về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng- an ninh, xây dựng Đảng - Hệ thống chính trị năm 2024. Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông ban hành Kế hoạch như sau:

**I. Mục đích, yêu cầu**

**1. Mục đích**

- Tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo nhằm tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động của toàn Đảng bộ, Chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trên địa bàn.

- Xác định những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhằm triển khai nhiệm vụ công tác giảm nghèo cơ bản hoàn thành các tiêu chí giảm nghèo vào năm 2024.

**2. Yêu cầu**

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân nâng cao trách nhiệm, quyết tâm chính trị cao để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo đảm bảo đúng lộ trình đề ra.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền; phát huy vai trò và huy động sự vào cuộc của các tổ chức chính trị, xã hội và Nhân dân trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo.

- Lồng ghép tốt nguồn lực từ nguồn ngân sách nhà nước, huy động nguồn lực xã hội hóa; phát huy tinh thần tự lực vươn lên của hộ nghèo, giúp cho người nghèo có điều kiện vươn lên thoát nghèo, giảm nghèo bền vững, thực chất, không chạy theo thành tích; tập trung xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện tốt CTMTQG giảm nghèo bền vững.

**II. Mục tiêu**

## 1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện giảm nghèo đa chiều bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống.

## 2. Mục tiêu cụ thể

- Phân đầu đến cuối năm 2024, tỷ lệ nghèo đa chiều của huyện giảm xuống còn 7,63% (giảm từ 4% trở xuống). Trong đó, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 2,77% (giảm từ 1,5% trở xuống); tỷ lệ hộ cận nghèo giảm xuống còn 4,86% (giảm từ 2,5% trở xuống).

- Đảm bảo nguồn vốn cho vay 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo đủ điều kiện, có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh; phần đầu 100% người nghèo trong độ tuổi, đủ năng lực lao động có nhu cầu học nghề được hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn và định hướng nghề nghiệp, được ưu tiên giới thiệu việc làm để có việc làm ổn định.

- 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đặc biệt khó khăn được cấp thẻ bảo hiểm y tế; 100% học sinh, sinh viên nghèo là người đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh, sinh viên thuộc đối tượng chính sách được miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập và các chính sách khác về giáo dục theo quy định.

## III. Nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo năm 2024

### 1. Nhiệm vụ

- Cuối năm 2024 giảm tỷ lệ nghèo đa chiều từ 4% trở xuống, trong đó hộ nghèo giảm từ 1,5% trở xuống; hộ cận nghèo giảm từ 2,5% trở xuống. Cụ thể: Hộ nghèo giảm 219 hộ; Hộ cận nghèo giảm: 366 hộ (*Phụ lục số 01, 02 kèm theo*).

- Tập trung nguồn lực hỗ trợ 02 xã Đa Long, Liêng Srôngh để cuối năm 2024 tỷ lệ nghèo đa chiều còn dưới 13% (đã trừ hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động) nhằm đạt chỉ tiêu giảm nghèo nông thôn mới.

- Đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được tiếp cận các dịch vụ cơ bản, được vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh và thụ hưởng đầy đủ, kịp thời các chính sách theo quy định.

- Hỗ trợ xây dựng từ 110 -130 căn nhà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về nhà ở từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn xã hội hóa.

- 100% người trong độ tuổi lao động của hộ nghèo, cận nghèo có nhu cầu học nghề được hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn và định hướng nghề nghiệp, được ưu tiên giới thiệu việc làm để có việc làm ổn định, tăng thu nhập.

### 2. Giải pháp

#### 2.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện công tác giảm nghèo bền vững

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về mục tiêu giảm nghèo bền vững với phương pháp và cách làm phù hợp, tạo sự đồng thuận, chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau của cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và Nhân dân trong triển khai thực hiện



mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2024. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là vai trò của người có uy tín trong công tác tuyên truyền, vận động nhằm thay đổi nhận thức của Nhân dân, thực hiện chủ trương thoát nghèo bền vững, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo; giúp hộ nghèo, cận nghèo nhận thức được trách nhiệm thoát nghèo là trách nhiệm chính của gia đình; Nhà nước và xã hội chỉ hỗ trợ một phần các điều kiện cần thiết để thực hiện mục tiêu thoát nghèo bền vững.

## **2.2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện công tác giảm nghèo bền vững**

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chỉ đạo, điều hành của chính quyền, phối hợp thực hiện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan trong triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững. Tăng cường hoạt động giám sát và phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác giảm nghèo; tiếp tục phát động các phong trào, cuộc vận động để huy động nguồn lực, sự tham gia hưởng ứng của hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân trong công tác giảm nghèo bền vững.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp có những việc làm cụ thể, phù hợp với hộ nghèo, hộ cận nghèo để hỗ trợ, giúp đỡ tại từng địa phương.

## **2.3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước; hoàn thiện tổ chức bộ máy và cơ chế điều hành Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; thực hiện tốt công tác điều tra, rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2024**

Kiểm toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo giảm nghèo các cấp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác giảm nghèo đảm bảo thống nhất, đủ năng lực, hoạt động chuyên nghiệp, tham mưu thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững.

Thực hiện tốt công tác điều tra, rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều được quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, ngày 27/01/2021 của Chính phủ); xây dựng đội ngũ điều tra viên có chất lượng để tổ chức thực hiện công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo kết quả chính xác, đúng thực trạng; thực hiện phương pháp quản lý hồ sơ hộ nghèo, hộ cận nghèo hợp lý, khoa học làm cơ sở đề xuất các giải pháp hỗ trợ phù hợp theo từng nhóm hộ nghèo, từng khu vực. Có biện pháp quyết liệt, hiệu quả để hỗ trợ các hộ có đủ điều kiện tổ chức sản xuất, học tập, lao động vươn lên thoát nghèo, cận nghèo.

Thực hiện có hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho người lao động gắn với giới thiệu việc làm. Tổ chức tốt hoạt động kết nối cung - cầu lao động, triển khai mạnh hơn công tác tư vấn đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Phân công cho từng ban, ngành, đoàn thể hỗ trợ, giúp đỡ cho từng hộ nghèo để sớm thoát nghèo.

## **2.4. Huy động tối đa mọi nguồn lực gắn với triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo bền vững, chú trọng công tác trợ giúp đột xuất khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh**

Huy động tối đa mọi nguồn lực nhằm triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo của Trung ương, của tỉnh, của thị xã và các nguồn lực xã hội tham gia vào công tác giảm nghèo bền vững tại địa phương. Các cấp, các ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn gắn với thực hiện quy chế dân chủ. Hỗ trợ, giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người lao động; thực hiện hỗ trợ khẩn cấp cho người dân khi gặp rủi ro, thiên tai, dịch bệnh...

## **2.5. Xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, nâng cao thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; kết hợp giải quyết tốt các chính sách giảm nghèo bền vững**

Thường xuyên rà soát, đánh giá các mô hình giảm nghèo để kịp thời nhân rộng các cách làm hay, mô hình hiệu quả; phát huy các sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng. Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ dành cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; vận động, khuyến khích các cá nhân, hộ gia đình làm ăn giỏi, có uy tín trong cộng đồng tham gia giúp đỡ, hướng dẫn cho người nghèo học tập, làm theo từ các mô hình sản xuất, sinh kế hiệu quả; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng cây ăn quả, cây dược liệu,... phù hợp với điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội ở từng vùng, từng địa phương.

## **2.6. Triển khai lồng ghép chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Thực hiện lồng ghép có hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi để giúp người dân vươn lên thoát nghèo. Lồng ghép chặt chẽ việc thực hiện các chương trình với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, để phát huy hiệu quả các hoạt động đầu tư, hướng đến đạt các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới và giảm nghèo bền vững theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa IV đề ra.

## **2.7. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính trong thực thi công vụ; kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác giảm nghèo bền vững; tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, ứng dụng công nghệ thông tin, kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác giảm nghèo bền vững**

Quá trình thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, phải tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính để nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức gắn với cải cách thủ tục hành chính; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chính quyền các cấp và của người dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo bền vững. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ theo dõi công tác giảm nghèo ở các cấp, nhất là cán bộ ở cấp xã; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch. Phân công cụ thể cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên theo dõi, phụ trách để chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ các đối tượng; đồng thời, kịp thời sơ kết, tổng

kết đánh giá tình hình, kết quả thực hiện; biểu dương, khen thưởng, động viên cá nhân, tập thể điển hình, gương mẫu trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác giảm nghèo, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm liên quan đến việc thực hiện các chính sách, chương trình, đề án giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

#### **IV. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, xây dựng kế hoạch cụ thể để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo năm 2024 và triển khai có hiệu quả nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững, nhất là các mô hình sản xuất, dự án sinh kế theo kế hoạch vốn từ nguồn chuyển tiếp năm 2022, 2023 và nguồn phân bổ năm 2024,... định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Huyện ủy (trước ngày mừng 10 hàng tháng).

2. Các tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 05/12/2023 của Huyện ủy về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng - hệ thống chính trị năm 2024 và Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, nhằm tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động; chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện với nội dung cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm của từng cơ quan, đơn vị.

3. Ban Tuyên giáo Huyện ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Kế hoạch này sâu rộng tới cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện, bằng các hình thức phù hợp, hiệu quả.

#### Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Thường trực HU, HĐND, UBND huyện,
- Các Ban và Văn phòng Huyện ủy,
- Các Phòng, ban, MTTQ và các đoàn thể huyện,
- Các TCCSD trực thuộc Huyện ủy,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**

**Nguyễn Văn Lộc**

MỤC TIÊU GIẢM TỶ LỆ NGHÈO ĐA CHIỀU NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: -KH/HU ngày tháng năm 2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông)

| TT        | Đơn vị      | Tổng số hộ dân cư |        | Kết quả rà soát cuối năm 2023 |                  |           |                      |           |                          |                          |                      | Mục tiêu giảm nghèo, cận nghèo 2024 |          |         |              |         |
|-----------|-------------|-------------------|--------|-------------------------------|------------------|-----------|----------------------|-----------|--------------------------|--------------------------|----------------------|-------------------------------------|----------|---------|--------------|---------|
|           |             |                   |        | Số hộ                         | Tổng số hộ nghèo |           | Tổng số hộ cận nghèo |           | Tỷ lệ nghèo đa chiều (%) | Tỷ lệ nghèo và cận nghèo | Tỷ lệ nghèo đa chiều | Tổng số hộ nghèo và cận nghèo       | Hộ nghèo |         | Hộ cận nghèo |         |
|           |             |                   |        |                               | Số hộ            | Tỷ lệ (%) | Số hộ                | Tỷ lệ (%) |                          |                          |                      |                                     | số hộ    | tỷ lệ % | Số hộ        | Tỷ lệ % |
| A         | B           | 1                 | 2      | 5                             | 6=5/1            | 7         | 8=7/1                | 9=12+14   | 10= 11+13                | 11                       | 12                   | 13                                  | 14       |         |              |         |
| 1         | Đạ Knàng    | 2,465             | 9,127  | 94                            | 3.81             | 110       | 4.46                 | 5.07      | 125                      | 55                       | 2.23                 | 70                                  | 2.84     | 3.20    |              |         |
| 2         | Phi Liêng   | 1,705             | 6,657  | 55                            | 3.23             | 67        | 3.93                 | 4.99      | 85                       | 30                       | 1.76                 | 55                                  | 3.23     | 2.17    |              |         |
| 3         | Liêng Srônh | 2,199             | 8,598  | 143                           | 6.50             | 298       | 13.55                | 12.82     | 282                      | 89                       | 4.05                 | 193                                 | 8.78     | 7.23    |              |         |
| 4         | Đạ Rsal     | 2,752             | 9,551  | 52                            | 1.89             | 155       | 5.63                 | 4.47      | 123                      | 30                       | 1.09                 | 93                                  | 3.38     | 3.05    |              |         |
| 5         | Rô Men      | 1,820             | 8,073  | 60                            | 3.30             | 72        | 3.96                 | 5.00      | 91                       | 39                       | 2.14                 | 52                                  | 2.86     | 2.25    |              |         |
| 6         | Đạ M'Rông   | 1,052             | 5,153  | 85                            | 8.08             | 54        | 5.13                 | 10.27     | 108                      | 58                       | 5.51                 | 50                                  | 4.75     | 2.95    |              |         |
| 7         | Đạ Tông     | 1,847             | 9,571  | 83                            | 4.49             | 202       | 10.94                | 10.67     | 197                      | 66                       | 3.57                 | 131                                 | 7.09     | 4.76    |              |         |
| 8         | Đạ Long     | 786               | 3,807  | 52                            | 6.62             | 119       | 15.14                | 13.36     | 105                      | 38                       | 4.83                 | 67                                  | 8.52     | 8.40    |              |         |
| Tổng cộng |             | 14,626            | 60,537 | 624                           | 4.27             | 1,077     | 7.3636               | 7.63      | 1,116                    | 405                      | 2.77                 | 711                                 | 4.86     |         |              |         |

Ghi chú: Mục tiêu cụ thể giảm tỷ lệ nghèo đa chiều 4%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm 1,5%, tỷ lệ cận nghèo đa chiều giảm 2,5%.



Biểu số 02

**MỤC TIÊU GIẢM SỐ LƯỢNG HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO NĂM 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số: -KH/HU ngày tháng năm 2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

| TT        | Đơn vị<br>(xã) | Số hộ nghèo<br>giảm | Số hộ cận nghèo<br>giảm | Tổng |
|-----------|----------------|---------------------|-------------------------|------|
| 1         | Đạ Knàng       | 39                  | 40                      | 79   |
| 2         | Phi Liên       | 25                  | 12                      | 37   |
| 3         | Liên Srên      | 54                  | 105                     | 159  |
| 4         | Đạ Rsal        | 22                  | 62                      | 84   |
| 5         | Rô Men         | 21                  | 20                      | 41   |
| 6         | Đạ M'Rông      | 27                  | 4                       | 31   |
| 7         | Đạ Tông        | 17                  | 71                      | 88   |
| 8         | Đạ Long        | 14                  | 52                      | 66   |
| Tổng cộng |                | 219                 | 366                     | 585  |

Ghi chú: Mục tiêu giảm số lượng và tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cuối năm 2024 tính theo chỉ tiêu giảm 1,5% tỷ lệ hộ nghèo, 2,5% tỷ lệ hộ cận nghèo